

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Ông Đặng Văn Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1977 (Vắng mặt, có đơn).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1974 (Vắng mặt lần 02).

Đồng trú tại: Thôn N, xã B, huyện T1, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Võ Thị T trình bày: Bà và ông Lê Văn C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới theo phong tục; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 20/5/2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông C không lo làm ăn mà còn cờ bạc rượu chè về nhà gây sự đánh đập bà dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vì con còn nhỏ nên bà đã bỏ qua nhiều lần để tiếp tục chung sống (đã rút đơn ly hôn hai lần) nhưng ông C không cải sửa. Từ đó vợ chồng cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì, bà yêu cầu ly hôn ông Lê Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Lê Thị H, sinh ngày 06/10/1997; Lê Hồng P, sinh ngày 10/10/2002 và Lê Thị Bích L, sinh ngày 18/6/2004. Khi ly hôn, 02 con là H và P đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết; bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thị Bích L đến trưởng thành; không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt không có lý do: ông Lê Văn C đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản xác minh ngày 20/01/2022, Công an xã B cung cấp: ông Lê Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện T1, tỉnh Bình Định theo hộ khẩu (số 21847-004140) do ông C là chủ hộ; hiện ông C đang có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc thực hiện hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án: thực hiện đúng theo quy định Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm (tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát). Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Bà Võ Thị T được ly hôn ông Lê Văn C. Về con chung: 02 con chung là Lê Thị H, sinh ngày 06/10/1997; Lê Hồng P, sinh ngày 10/10/2002 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết - nên miễn xét; giao con chung là Lê Thị Bích L, sinh ngày 18/6/2004 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành (nguyện vọng của cháu L là được sống cùng mẹ); về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu nên miễn xét. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là bà Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Lê Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 20/5/2002 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông C không lo làm ăn mà cờ bạc rượu chè về gây sự đánh đập bà T nhiều lần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, xúc phạm nhau. Vì con chung, bà T đã bỏ qua nhiều lần để tiếp tục chung sống nhưng tình hình không tiến triển (bà T đã nộp đơn ly hôn 02 lần, sau đó đã rút đơn). Ông C có mặt tại địa phương mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông C có 03 con chung tên: Lê Thị H, sinh ngày 06/10/1997; Lê Hồng P, sinh ngày 10/10/2002 và Lê Thị Bích L, sinh ngày 18/6/2004. Khi ly hôn, 02 con là H và P đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét; bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thị Bích L đến trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà T là phù hợp với nguyện vọng của con chung L (được tiếp tục sống cùng mẹ), phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nghị nên chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc bà Võ Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007119 ngày 26/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Th được ly hôn ông Lê Văn C.

- Về con chung: 02 con chung là: Lê Thị H, sinh ngày 06/10/1997; Lê Hồng P, sinh ngày 10/10/2002 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Giao con chung tên Lê Thị Bích L, sinh ngày 18/6/2004 cho bà Võ Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0007119 ngày 26/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà T đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam